TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2020
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang; Ông Ngô Trọng Búp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đỗ Thị N (tên gọi khác: Hứa Thị H), sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Bị đơn: anh Hoàng Quốc N1 (tên gọi khác: Nguyễn Hoàng C), sinh năm 1972. Hiện đang chấp hành án tại đội 7 K1, trại giam Đắk Tân thuộc Bộ Công an. Địa chỉ: thôn 01, xã E2, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ cháu Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 30/02/2003. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

+ cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 16/10/2004. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

+ cháu Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 26/5/2009. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

Chị Đỗ Thị N và anh Hoàng Quốc N1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2003 tại xóm N2, xã B, huyện H1, tỉnh Cao

Bằng. Năm 2004 chuyển đến sinh sống tại thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh N1 hiện nay không còn sống chung với nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N1.

Chị cùng anh N1 có 04 con chung là: Nguyễn Quốc L, sinh ngày 01/02/1997(đã thành niên); Nguyễn Thị Thu G sinh ngày 30/02/2003; Nguyễn Hoàng D sinh ngày 136/10/2004; Nguyễn Hoàng V sinh ngày 25/5/2009. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung sau khi vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh N1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai bị đơn anh Hoàng Quốc N1 trình bày:*

Anh N1 đồng ý với phần trình bày của chị N, từ năm 1995 đến nay anh và chị N chỉ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do không tương đồng với nhau về mọi mặt. Anh N1 đồng ý ly hôn và nhường quyền nuôi con theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam Đắk Tân, đóng trên địa bàn xã E2, huyện M. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, mặc dù có đủ điều kiện nhưng anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình để tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị N và anh N1. Về con chung và tài sản chung cần áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[3] Về con chung: Chị N và anh N1 có bốn người con là: Nguyễn Quốc L, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Thu G sinh ngày 30/02/2003; Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/10/2004 và Nguyễn Hoàng V sinh ngày 25/5/2009, trong đó Nguyễn Quốc L đã thành niên, ba con hiện tại đang sống cùng chị N. Các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con, HĐXX cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nếu đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Các đương sự thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147, 220, 228, 238, 266, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị N và anh Hoàng Quốc N1 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Thu G sinh ngày 30/02/2003; Nguyễn Hoàng D sinh ngày 13/10/2004 và Nguyễn Hoàng V sinh ngày 25/5/2009 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Trả lại cho chị N 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003399 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện M;
-THADS huyện M;
-UBND xã E, huyện M;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Đức Hợi